

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2018

V/v: Không công nhận vợ chồng
giữa anh T và chị P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

2/ Bà Nguyễn Thị Hoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về việc “Không công nhận vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:61/2018/QĐXX-ST ngày 27/06/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Dương Văn T sinh năm 1975 (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Chị Tăng Thị P sinh năm 1976 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn B 2, xã B1, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/04/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Tăng Thị P năm 1993. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cưới xong anh và chị P về chung sống với nhau ngay, sống hòa thuận đến năm 2017 thì anh và chị P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến anh và chị P không bảo được nhau, việc của ai người đó làm, không quan tâm gì đến

nhau, anh và chị P cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm không xây dựng hạnh phúc được với nhau, anh đề nghị Tòa án tuyên bố anh và chị P không là vợ chồng.

Về nuôi con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn chị Tăng Thị P trình bày trong bản tự khai:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Dương Văn T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn chị cho rằng chị và anh T có mâu thuẫn và sống ly thân từ khi xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2017 đến nay. Nhưng nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh T vẫn còn, anh T đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T không là vợ chồng, chị không nhất trí.

Về nuôi con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án là đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, công bị đơn không chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

Áp dụng các Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn T và chị Tăng Thị P.

Án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[2] *Về tố tụng:* Ngày 27/06/2018 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 19/07/2018 nhưng tại phiên tòa bị đơn chị Tăng Thị P vắng mặt, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa án định vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 20/07/2018. Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị P, nhưng tại phiên tòa chị P vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Dương Văn T và chị Tăng Thị P về chung sống với nhau từ năm 1993. Trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù có con chung nhưng tình cảm giữa anh T và chị P vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ năm 2017 giữa anh T và chị P luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó anh T và chị P không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, anh T và chị P chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa anh T và chị P không còn, nên cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh T và chị P. Xét như vậy là phù hợp với Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Anh T và chị Phýớc không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn T và chị Tăng Thị P.

2/ Án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0003172 ngày 10/05/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B1;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Toàn